

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Lê Thị Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Đắc H, sinh năm 1979 – Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Đ, Sinh năm 1982 – Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm E (xóm H cũ), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Đắc H trình bày: Anh và chị Lê Thị Đ yêu nhau và quyết định đi đến hôn nhân. Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 02/12/2000 tại UBND xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát H mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị Đ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Thị Thảo H, sinh ngày 28/10/2001; Trương Đắc L, sinh ngày 04/11/2006; Trương Đắc Trọng, sinh ngày

03/12/2012. Cháu H đã có gia đình riêng còn cháu Trọng và cháu L hiện đang ở với anh H. Vợ chồng không có con nuôi, không ai có con riêng. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Đắc L và Trương Đắc Trọng; không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Con chung là Trương Thị Thảo H đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Anh cho rằng điều kiện nuôi con của anh tốt hơn chị Đ vì anh hiện nay đang có nhà cửa, có ông bà hỗ trợ trong vấn đề nuôi hai cháu. Hai cháu hiện đang ở với anh rất tốt, trường học gần nhà, có anh có em hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Anh hiện nay làm nghề đi biển đánh bắt cá, thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng đủ để nuôi hai con ăn học. Mặt khác, cháu L và cháu Trọng hiện nay đều đang ở với anh và có nguyện vọng xin được ở với anh nếu như vợ chồng ly hôn. Chị Đ hiện nay không có nhà ở, công việc không ổn định. Từ tháng 01/2020, chị Đ đã bỏ nhà đi, không để ý và chăm sóc con cái.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày vợ chồng có nợ chung một số người nhưng hiện nay đã giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Đ trình bày:* Chị đồng ý với phần trình bày của anh H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến 04/02/2020, vợ chồng bắt đầu phát H mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 05/2020 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân xuất phát từ việc chị vay 450.000.000đồng để đảo khế ngân hàng nhưng anh H chối bỏ trách nhiệm trả nợ nên mâu thuẫn càng tăng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại đoàn tụ với nhau nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Thị Thảo H, H ngày 28/10/2001; Trương Đắc L, H ngày 04/11/2006; Trương Đắc Trọng, H ngày 03/12/2012. Cháu H đã có gia đình riêng còn cháu Trọng và cháu L hiện đang ở với anh H. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con là Trương Đắc L và Trương Đắc Trọng. Không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung là Trương Thị Thảo H đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Vợ chồng mâu thuẫn nên chị về nhà bố mẹ để sống từ tháng 5/2020. Lúc đó chị không đưa các con theo vì anh H không đồng ý. Hiện nay, chị đang H sống cùng bố mẹ đẻ, công việc là bán đồ hải sản, thu nhập khoảng 14.000.000đồng/tháng, đủ để nuôi con ăn học. Ngoài ra, chị còn có một nhà chung cư ở thị xã Hoàng Mai. Cháu Trọng, cháu L hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ nên chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị được nuôi dưỡng. Anh H làm công việc đi biển, thường xuyên không có nhà nên việc chăm sóc con cái sẽ bị hạn chế.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ trình bày vợ chồng có nợ chung một số người nhưng hiện nay đã giải quyết xong nên không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Tiến Thủy: Anh Trương Đắc H và chị Lê Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát H mâu thuẫn nên sống ly thân một thời gian. Mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng như thế nào địa phương không nắm rõ vì vợ chồng không yêu cầu hòa giải tại địa phương và cũng không trình báo lên các tổ chức đoàn thể. Anh H và chị Đ có 03 người con chung là Trương Thị Thảo H, Trương Đắc L và Trương Đắc Trọng. Hiện nay cháu H đã lập gia đình còn cháu L và cháu Trọng đang ở cùng với anh H. Anh H

làm nghề đi biển còn chị Đ làm nghề buôn bán hải sản, thu nhập cụ thể địa phương không nắm rõ vì thu nhập cùng ngành nghề tại địa phương mỗi người khác nhau, phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Quá trình giải quyết vụ án cháu L, cháu Trọng có nguyện vọng ở với anh H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng: Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật HNGĐ đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về tình cảm: Cho anh Trương Đắc H được ly hôn với chị Lê Thị Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Trương Đắc L, sinh ngày 04/11/2006 cho anh Trương Đắc H được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Trương Đắc Trọng, sinh ngày 03/12/2012 cho chị Lê Thị Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Đắc H và chị Lê Thị Đ do không ai yêu cầu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh Trương Đắc H.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Viết L (H năm 1982; HKTT: Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Số nhà 44, đường M, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An) có làm đơn đề nghị tạm dừng giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị Đ hoặc đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì anh N cho rằng anh H và chị Đ đang nợ anh số tiền là 450.000.000đồng. Xét yêu cầu của anh N thấy: Việc anh khởi kiện anh H, chị Đ trả số tiền trên đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của TAND huyện Quỳnh Lưu và Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2020/DS-PT ngày 12/11/2020 của TAND tỉnh Nghệ An. Do sự việc đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nên không cần đưa anh N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trương Đắc H và chị Lê Thị Đ là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 05/2020 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu được ly hôn và chị Đ cũng đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Đ là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Đ.

[4] Về con chung: Anh H và chị Đ có 03 con chung là Trương Thị Thảo H, sinh ngày 28/10/2001; Trương Đắc L, sinh ngày 04/11/2006; Trương Đắc Trọng, sinh ngày 03/12/2012. Cháu H đã có gia đình riêng, cháu Trọng và cháu L hiện đang ở với anh

H. Vợ chồng không có con nuôi, không ai có con riêng. Anh H và chị Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trương Đắc L và Trương Đắc Trọng, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại biên bản làm việc tại Tòa án, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với anh H. Xét yêu cầu của hai bên thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Mặt khác, anh H và chị Đ đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe, việc làm và kinh tế để nuôi dạy con cái và đều tha thiết có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần phải đảm bảo quyền được nuôi dưỡng con chung của cả hai bên. Mặc dù cháu Trương Đắc Trọng có nguyện vọng được ở với anh H nhưng hiện nay cháu Trọng còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng của người mẹ sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho sự phát triển của cháu. Cháu Trương Đắc Trọng đã lớn và có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu Trương Đắc L cho anh H được nuôi dưỡng; giao cháu Trương Đắc Trọng cho chị Đ được nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh H và chị Đ mỗi người nuôi 01 con chung và không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho mình. Vì vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh H và chị Đ.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không yêu cầu chia tài sản chung. Chị Đ có làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng sau đó rút yêu cầu trước khi Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, Tòa án không xem xét. Anh H, chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị Đ đều trình bày vợ chồng có nợ một số người. Tòa án đã giao trách nhiệm cho anh H, chị Đ phải có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án thông tin về người cho vay, số tiền vay để Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng anh H và chị Đ đều không cung cấp cho Tòa án và xin rút yêu cầu về nợ chung vì cho rằng vợ chồng đã giải quyết xong. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét nợ chung của hai vợ chồng. Sau này, những người cho anh H, chị Đ vay nợ (nếu có) có thể khởi kiện anh H, chị Đ bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 147, 244 BLTTDS; Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đắc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Đắc H và chị Lê Thị Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Đắc L, sinh ngày 04/11/2006 cho anh Trương Đắc H được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là Trương Đắc Trọng, sinh ngày 03/12/2012 cho chị Lê Thị Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Đắc H và chị Lê Thị Đ do không ai yêu cầu.

Buộc anh Trương Đắc H có trách nhiệm giao con chung là Trương Đắc Trọng, sinh ngày 03/12/2012 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trọng đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Trương Đắc H, chị Lê Thị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Trương Đắc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003698 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Anh Trương Đắc H, chị Lê Thị Đ có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q, thị xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh